TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **331** /2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-11-2020
"V/v Ly hôn và nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà :Từ Thanh Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông : Bùi Xuân Minh

Ông : Trần Quốc

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 749/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2020 về việc *"Ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 325/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/10/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trịnh Mộng T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp 1/5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/10/2020 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện: Vào năm 1999 Trịnh Mộng T và Nguyễn Văn K tự nguyện sống chung với nhau, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn. Thời kỳ chung sống giữa chị T và anh K có 02 con chung: tên Nguyễn Mộng C, sinh ngày 22/09/2001 (đã trưởng thành), Nguyễn Lục D – sinh ngày 16.01.2009 con hiện sống chung với chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thõa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, đã ly thân khoản 4 năm, xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K, về con yêu cầu được nuôi cháu Dĩ không yêu cầu anh K cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn: Tại đơn xin vắng mặt ngày 26.10.2020 cũng thừa nhận theo lời trình bày của nguyên đơn là đúng, nay anh K cũng đồng ý ly hôn với chị T, về con chung Nguyễn Mộng C đã trưởng thành, cháu Nguyễn Lục D sinh ngày 16.01.2009 hiện cháu đang ở với vợ tôi (T) nên tôi đồng ý giao cho T nuôi cháu D, không cấp dưỡng; về tài sản cung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26.10.2020 cháu Nguyễn Lục D sinh ngày 16.01.2009, thì cháu D yêu cầu được sống với chị T.

Từ những nội dung trên Hội đồng xét xử ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn và nuôi con, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị T và anh K tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng chị T và anh K không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận chị Trịnh Mộng T và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng là phù hợp;

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Lục D sinh ngày 16.01.2009 đang được chị T nuôi dưỡng, Tại biên bản ghi ý kiến ngày 26.10.2020 đối với cháu D, cháu D có nguyện vọng sống với chị T và tại đơn xin vắng mặt của anh K cũng thống nhất giao cháu D cho chị T nuôi dạy. Chị T cũng xác định đủ điều kiện nuôi cháu D, do đó chấp nhận giao cháu Nguyễn Lục D cho chị T nuôi dạy là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh K có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này và anh K phải tôn trọng quyền của cháu Du được sống với chị T là phù hợp với Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về yêu cầu cấp dưỡng:* Do chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung và không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét phần tài sản chung và nợ chung.

[8] *Xét về án phí:* Chị T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Mộng T.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Trịnh Mộng T và anh Nguyễn Văn K là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho Trịnh Mộng T nuôi dạy cháu Nguyễn Lục D, sinh ngày 16.01.2009, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Kẹo có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này và anh K phải tôn trọng quyền của cháu D được sống với chị T (cháu D hiện đang sống với chị T).

2. Về án phí sơ thẩm:

Trịnh Mộng T phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0004194 ngày 26/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu đối trừ.

3. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
-UBND xã Hồ Thị Kỹ, huyện Thới Bình
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung